

|H|A|C|K|E|R|S|

Nhóm dịch HDL, Trần Hồng Lê hiệu đính

HACKERS IELTS

Speaking

*Bộ sách
luyện thi IELTS đầu tiên
có kèm giải thích đáp án
chi tiết và hướng dẫn
cách tự nâng band điểm*

Giỏi
IELTS
không tốn
mấy đồng

HACKERS IELTS SPEAKING

Hướng dẫn tự luyện thi IELTS theo xu hướng ra đề mới nhất

Bài thi IELTS là ngưỡng cửa các bạn thí sinh phải vượt qua để thực hiện ước mơ vươn ra thế giới rộng lớn. Hiện nay, các thí sinh đang phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức để chuẩn bị cho kỳ thi IELTS. Nhằm mục đích cung cấp cho các bạn phương pháp học đúng đắn nhất, Viện nghiên cứu ngôn ngữ HACKERS đã biên soạn bộ sách HACKERS IELTS gồm 4 cuốn tương đương với 4 kỹ năng. Cuốn sách HACKERS IELTS SPEAKING mà các bạn đang cầm trong tay sẽ giúp bạn:

Đạt điểm cao thông qua phương pháp tiếp cận theo từng phần thi và từng chủ đề!

Sách được thiết kế theo phương pháp tiếp cận theo từng phần thi và từng chủ đề, không chỉ giúp thí sinh nắm bắt đầy đủ cách thức tiến hành phần thi Nói mà còn giúp trang bị kiến thức cho các chủ đề thi đa dạng, phong phú.

Cập nhật xu hướng ra đề mới nhất - Trang bị toàn diện cho bài thi thật!

Nội dung được biên tập theo xu hướng ra đề phần thi Nói mới nhất giúp các bạn trang bị toàn diện cho kỳ thi thật. Hãy lưu ý những câu hỏi được dán tem **Đề mới** các bạn nhé!

Đạt điểm số như mong muốn nhờ tài liệu bổ trợ đặc biệt!

Cung cấp phụ lục đầy đủ, đa dạng với các bí kíp dành cho việc học IELTS giúp người học ứng phó với các tình huống phát sinh tại phòng thi, sửa các lỗi thường gặp khi nói, biết cách tự kiểm tra đáp án của mình, cách đưa ra ý tưởng, đối đáp theo từng chủ đề.

Hi vọng rằng HACKERS IELTS SPEAKING sẽ trở thành cuốn cẩm nang hữu ích giúp bạn đạt được điểm số mong muốn trong bài thi IELTS và là người bạn đồng hành đáng tin cậy của bạn trên con đường chinh phục ước mơ.

HACKERS IELTS SPEAKING

CONTENTS

Lý do HACKERS IELTS Speaking có thể giúp người học đạt điểm cao	6
Hướng dẫn cách tận dụng tối đa 200% tài liệu bổ sung	10
Giới thiệu về kỳ thi IELTS	12
Giới thiệu IELTS Speaking và kế hoạch ôn luyện	16
Kế hoạch ôn luyện	22

Tiếp cận theo từng phần thi

Part 1 Trả lời câu hỏi về bản thân

Tìm hiểu phương thức tiến hành Part 1 Nắm chắc chiến lược trả lời Part 1	28
EXPRESSION - Các cấu trúc có thể sử dụng khi giải thích chi tiết	31

Part 2 Nói về chủ đề trong Phiếu đề (Task Card)

Tìm hiểu phương thức tiến hành Part 2 Nắm chắc chiến lược trả lời Part 2	34
EXPRESSION - Cấu trúc có thể dùng khi triển khai bài nói	38

Part 3 Trả lời câu hỏi mở rộng

Tìm hiểu phương thức tiến hành Part 3 Nắm chắc chiến lược trả lời Part 3	40
EXPRESSION - Cấu trúc có thể dùng khi nói mở đầu và kết luận	44

Tiếp cận theo từng chủ đề

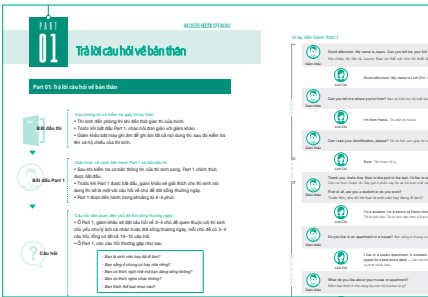
Unit 01 Job & Study	Nghề nghiệp và Học tập	50
Unit 02 Accommodation & Buildings	Nơi ở và Các tòa nhà	64
Unit 03 Cities & Towns	Các thành phố và Thị trấn	78
Unit 04 Leisure time & Hobbies	Thời gian rảnh rỗi và Sở thích	92
Unit 05 Music & Art	Âm nhạc và Nghệ thuật	106
Unit 06 Fashion & Shopping	Thời trang và Mua sắm	120
Unit 07 Sports & Activities	Các môn thể thao và hoạt động	134
Unit 08 People	Con người	148
Unit 09 Food & Health	Ẩm thực và Sức khỏe	162
Unit 10 Travel & Transportation	Du lịch và Giao thông	176
Unit 11 Weather & Nature	Thời tiết và Thiên nhiên	190
Unit 12 Special Events	Các sự kiện đặc biệt	204
Unit 13 Daily Life	Cuộc sống thường ngày	218
Unit 14 Life Experiences	Kinh nghiệm sống	232
Unit 15 Education & Learning	Giáo dục và Học tập	246
Unit 16 Communication	Thông tin liên lạc	260
Unit 17 Science & Technology	Khoa học và Kỹ thuật	274
Unit 18 Media	Truyền thông	288
Unit 19 History & Tradition	Lịch sử và Truyền thống	302
Unit 20 Society	Xã hội	316

Phụ lục

1.	Ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi	332
2.	24 lỗi hay mắc phải khi nói	336
3.	Tiêu chí đánh giá	348
4.	Ý tưởng và cấu trúc câu cho từng chủ đề	352

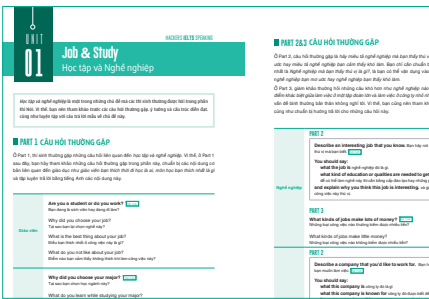
LÝ DO HACKERS IELTS SPEAKING CÓ THỂ GIÚP THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM CAO!

01 Chinh phục bài thi Nói IELTS bằng cách tiếp cận theo từng phần thi và từng chủ đề!



Tiếp cận theo từng phần

Người học có thể tìm hiểu kỹ lưỡng phương thức tiến hành bài thi Nói theo từng phần (Part 1, 2 và 3), học cách xây dựng chiến lược trả lời và các cấu trúc cần thiết, từ đó ứng dụng vào việc trả lời các câu hỏi theo từng phần và xây dựng nền tảng cho bài thi Nói.



Tiếp cận theo từng chủ đề

Cuốn sách tóm lược 20 chủ đề tổng quát dựa trên số lượng chủ đề đa dạng xuất hiện trong kỳ thi và trang bị đầy đủ cho người học cách ứng phó với các câu hỏi liên quan. Các câu hỏi có tần suất xuất hiện cao theo từng chủ đề cũng được lựa chọn và biên tập kỹ lưỡng giúp thí sinh nắm bắt được xu hướng ra đề mới nhất. Người học có thể chuẩn bị cho bài thi thật thông qua các câu trả lời mẫu, ý tưởng và các cách trả lời.

02 Nâng cao khả năng lên ý tưởng và diễn đạt thông qua các câu trả lời mẫu

o PART 1. Tiếp cận câu hỏi thường gặp
🔗 IELTS Task 1

1 Are you a student or do you work?
Bạn là sinh viên hay đang đi làm?

Y tưởng và câu trả lời	<p>1 Y tưởng sinh viên</p> <p>Điểm giải học ngành Quản trị kinh doanh • sẽ đi nghiệp vụ năm sau</p>	<p>a student</p> <p>• studying in business management</p> <p>• will graduate next year</p>
	<p>2 Y tưởng đang đi làm</p> <p>Điểm giải làm việc tại một công ty marketing</p>	<p>work</p> <p>• have been working for three years</p>

Câu trả lời của bạn Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Câu trả lời mẫu Trong tâm I'm a student. **Điểm giải** More specifically, I'm a college student majoring in business management. I'll graduate next year.

Từ vựng specifically (adj) một cách cụ thể, major (n) chuyên ngành, business management (n) quản trị kinh doanh, graduate (v) tốt nghiệp

2 Why did you choose your job?
Tại sao bạn lại chọn công việc của mình?

Y tưởng và câu trả lời	<p>1 Y tưởng thu nhập tốt</p> <p>Điểm giải • thích/trên hết trả lời anh khác • ưu tiên là kiếm được nhiều tiền</p>	<p>the pay was great</p> <p>• took out a student loan</p> <p>• being able to make money was a priority</p>
	<p>2 Y tưởng liên quan đến chuyên môn của tôi</p> <p>Điểm giải • học chuyên ngành truyền thông • sẽ tham gia vào các hoạt động của tôi</p>	<p>it is related to my college major</p> <p>• studied communication at college</p> <p>• journalised my own dream job</p>

Câu trả lời của bạn Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Câu trả lời mẫu Trong tâm Frankly speaking, because the pay was great. **Điểm giải** When I was in college, I took out a student loan. Therefore, being able to make a lot of money was a priority for me when choosing a job.

Từ vựng frankly (adv) một cách cụ thể, ưu tiên loan (n) vay, priority (n) ưu tiên

3 What is the best thing about your job?
Điểm tốt nhất ở công việc của bạn là gì?

Y tưởng và câu trả lời	<p>1 Y tưởng làm việc cùng những đồng nghiệp tốt</p> <p>Điểm giải họ thật sự quan tâm tới tôi • chủ yếu những lời khuyên hữu ích</p>	<p>work with nice people</p> <p>• they really care for me</p> <p>• give me useful advice</p>
	<p>2 Y tưởng có chế độ đãi ngộ tốt cho nhân viên</p> <p>Điểm giải • cung cấp các khóa học online miễn phí • phát triển các kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng và kỹ năng máy tính</p>	<p>has good employee benefits</p> <p>• provides free online courses</p> <p>• develop foreign language, accounting and computer skills</p>

Câu trả lời của bạn Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Câu trả lời mẫu Trong tâm What I like most about my job is that I get to work with such nice people. **Điểm giải** Even though I haven't been there long, they seem to really care for me. For example, when I have a struggle with work, they come to me and give me useful advice.

Từ vựng care for (v) quan tâm tới, have a struggle (ph) phải khó khăn

4 What do you not like about your job?
Điều gì bạn không thích ở công việc của mình?

Y tưởng và câu trả lời	<p>1 Y tưởng làm việc ngoài giờ</p> <p>Điểm giải • làm việc muộn 4 tới 5 ngày • phải làm công việc của người khác</p>	<p>work overtime</p> <p>• work late 4 out of 5 days</p> <p>• work on a job heavy</p>
	<p>2 Y tưởng công việc cũ tẻ</p> <p>Điểm giải • làm công việc truyền thống lặp đi lặp lại • mong là có thể thử làm điều gì mới mẻ</p>	<p>the work is boring</p> <p>• do the same routine work</p> <p>• wish I could try out something new</p>

Câu trả lời của bạn Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Câu trả lời mẫu Trong tâm The only thing I don't like is that I am frequently expected to work overtime. **Điểm giải** Last week, for example, I had to work late 4 out of 5 days. The workload is simply too heavy.

Từ vựng expect (ph) yêu cầu, dự tính work late làm thêm giờ workload (n) khối lượng công việc

Ý tưởng và cách diễn đạt

Cuốn sách cung cấp ý tưởng và các cách diễn đạt đa dạng, giúp bạn có thể vận dụng khi trả lời tại phòng thi Nói.

Câu trả lời mẫu

Với câu trả lời mẫu cho tất cả các chủ đề được biên soạn trong sách, người học có thể bổ sung, hoàn thiện thêm các câu trả lời của mình.

Lý do HACKERS IELTS SPEAKING có thể giúp người học đạt điểm cao!

7



LÝ DO HACKERS IELTS SPEAKING CÓ THỂ GIÚP NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐIỂM CAO!

03 Khắc phục nhược điểm và tạo cảm giác như thi thật bằng phần phụ lục bổ sung!

1. Ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi

Phần thi Nói trong bài thi IELTS là phần kiểm tra trực tiếp, do đó bạn có thể gặp các tình huống không mong đợi. Nếu bạn có thể làm quen với các cách diễn đạt sau đây, bạn có thể tránh được các tình huống phát sinh. Hãy luyện tập nhiều lần để có thể sử dụng các câu trúc sau một cách tự nhiên trong mọi tình huống.

Tình huống 1 Khi bạn chưa nghe rõ câu hỏi

Nếu bạn chưa nghe rõ câu hỏi, hãy sử dụng mẫu câu sau để hỏi lại giám khảo. Tuy nhiên, bạn nên cố gắng tập trung vào các câu hỏi của giám khảo để tránh hỏi lại.

Em xin lỗi nhưng em chưa nghe rõ lắm. Thầy/cô có thể nói lại một lần nữa được không?
I'm sorry, I didn't quite get that. Could you say that again, please?

Em xin lỗi, thầy/cô có thể lặp lại câu hỏi được không?
Sorry, could you repeat that question, please?

Ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi

Tổng hợp những cách ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi như không nghe hiểu câu hỏi của giám khảo, không nghĩ ra nhanh nội dung sẽ trả lời, từ đó giúp người học quen với các tình huống bất ngờ và có thể bình tĩnh ứng phó.

3. Tiêu chí tự đánh giá

Các tiêu chí tự đánh giá phần thi Nói.

Dựa trên các yếu tố đánh giá của bài thi Nói, phần này cung cấp một số tiêu chí để bạn tự đánh giá câu trả lời của mình. Sau khi trả lời, vui lòng kiểm tra nội dung bên dưới để xem câu trả lời của bạn có phải là câu trả lời có thể ghi điểm cao không.

Lưu ý!

1 Bình tĩnh trả lời mà không do dự hoặc ngập ngừng. Yes No

2 Không lặp lại và tự sửa từ thường xuyên. Yes No

3 Nói với tốc độ vừa phải không quá nhanh hay chậm. Yes No

4 Sử dụng linh hoạt các liên từ. Yes No

5 Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi. Yes No

Các tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào phần Tiêu chí đánh giá câu trả lời của bài thi Nói, thí sinh có thể tự kiểm tra xem câu trả lời của mình còn chưa đạt tiêu chuẩn ở đâu để bổ sung, hoàn thiện.

2. 24 lỗi hay mắc phải khi nói

Phần này thống kê những lỗi thường gặp trong phần thi Nói. Bạn nên kiểm tra lại xem mình có mắc những lỗi đó không và cố gắng điều chỉnh để tránh mắc lại khi đi thi.

01 Sự khác nhau giữa See và Watch.

Hôm qua tôi xem TV. I saw TV yesterday.(X)
Tôi đã xem TV hôm qua. I watched TV yesterday.(O)

See là 'trò mắt và nhìn' còn watch là 'tập trung chú ý và xem, quan sát trong một thời gian nhất định'

Ví dụ: Tôi nhìn thấy anh ấy nấu ăn - I saw him cooking.
Tôi quan sát anh ấy nấu ăn - I watched him cooking.

24 lỗi hay mắc phải khi nói

Lựa chọn kỹ càng và phân tích những lỗi quen thuộc, thường mắc phải khi nói tiếng Anh. Qua đó, thí sinh sẽ biết được những lỗi mình thường mắc và điều chỉnh cho chính xác hơn.

UNIT 01 Job & Study

Nắm vững ý tưởng cho câu trả lời và những cách diễn đạt hữu ích thông qua các ví dụ về nghề nghiệp và chuyên ngành sẽ giúp bạn trả lời một cách tự nhiên trong bài thi Nói.

Nghề nghiệp

1. Điểm trừ duy nhất trong công việc của tôi là phải làm ngoài giờ thêm. The large amount of overtime work is the only drawback of my job.

2. Khối lượng công việc của tôi quá nặng gánh đây. My workload is too heavy these days.

3. Những chuyên gia được trả công hậu hĩnh. Professionals earn pretty decent money.

4. Mọi người thích các công việc theo giờ hành chính. A nine-to-five job is the sort of job that many people prefer.

5. Khó để tìm một công việc vì có nhiều ứng viên. It's hard to find a job because there are many

Ý tưởng và cấu trúc câu trả lời theo từng chủ đề

Các ý tưởng và cấu trúc của câu trả lời được biên soạn theo trọng tâm từng chủ đề, qua đó giúp các thí sinh ứng phó tốt hơn trong bài thi phần thi IELTS Speaking với vô số chủ đề đa dạng.

04 Các cuốn sách còn lại trong bộ HACKERS IELTS



HACKERS IELTS LISTENING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng câu hỏi và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Nghe. Các bài nghe sát với đề thi thật và có lộ trình học phù hợp với nhiều trình độ. Nội dung bài nghe được dịch ra tiếng Việt và giải thích đáp án kỹ lưỡng.



HACKERS IELTS READING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng câu hỏi và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Đọc. Các bài đọc luyện tập có độ dài và độ khó tăng dần, bao quát tất cả các chủ đề hay gặp trong bài thi Đọc của IELTS. Nội dung bài đọc được dịch ra tiếng Việt và giải thích đáp án kỹ lưỡng.



HACKERS IELTS WRITING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng đề và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Viết. Các mẫu câu và cách dùng từ “đắt” được liệt kê theo chủ đề. Sách còn hướng dẫn bạn cách lập dàn ý và triển khai thành bài viết đầy đủ.

HACKERS IELTS SPEAKING

TIẾP CẬN THEO TỪNG PHẦN THI

PART 01 TRẢ LỜI CÂU HỎI VỀ BẢN THÂN

PART 02 NÓI VỀ CHỦ ĐỀ TRONG PHIẾU ĐỀ (TASK CARD)

PART 03 TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI LIÊN QUAN ĐẾN PART 2

Trả lời câu hỏi về bản thân

Tìm hiểu phương thức tiến hành



Bắt đầu thi

Vào phòng thi và kiểm tra giấy tờ tùy thân

- Thí sinh đến phòng thi khi đến thời gian thi của mình.
- Trước khi bắt đầu Part 1, chào hỏi đơn giản với giám khảo.
- Giám khảo bật máy ghi âm để ghi âm tất cả nội dung thi, sau đó kiểm tra tên và hộ chiếu của thí sinh.



Bắt đầu Part 1

Giải thích về cách tiến hành Part 1 và bắt đầu thi

- Sau khi kiểm tra cơ bản thông tin của thí sinh xong, Part 1 chính thức được bắt đầu.
- Trước khi Part 1 được bắt đầu, giám khảo sẽ giải thích cho thí sinh nội dung thi sẽ là một vài câu hỏi về chủ đề đời sống thường ngày.
- Part 1 được tiến hành trong khoảng từ 4~5 phút.



Câu hỏi

Câu hỏi liên quan đến chủ đề đời sống thường ngày

- Ở Part 1, giám khảo sẽ đặt câu hỏi về 3~4 chủ đề quen thuộc với thí sinh chủ yếu như lý lịch cá nhân hoặc đời sống thường ngày, mỗi chủ đề có 3~4 câu hỏi, tổng có tất cả 10~15 câu hỏi.
- Ở Part 1, các câu hỏi thường gặp như sau

- *Bạn là sinh viên hay đã đi làm?*
- *Bạn sống ở chung cư hay nhà riêng?*
- *Bạn có thích ngôi nhà mà bạn đang sống không?*
- *Bạn có thích nghe nhạc không?*
- *Bạn thích thể loại nhạc nào?*



Trả lời

Đưa ra câu trả lời phù hợp với câu hỏi

- Part 1 được tiến hành dưới hình thức một cuộc nói chuyện tự nhiên nên không có thời gian chuẩn bị cho câu trả lời.
- Khi trả lời cho câu hỏi của giám khảo ở Part 1, thí sinh trả lời ngay sau khi nhận được câu hỏi và sau đó phải giải thích thêm cho câu trả lời.

Nắm chắc chiến lược trả lời

- Để trả lời câu hỏi ở Part 1 một cách rõ ràng và logic, nên trả lời trọng tâm và rồi diễn giải về câu trả lời để hoàn thành câu trả lời.
- Khi diễn giải thêm cho câu trả lời, có thể cho thêm 2~3 câu như đưa ra ví dụ, lý do, giải thích.
- Nếu đơn thuần chỉ trả lời câu hỏi mà không có diễn giải thêm, thí sinh có thể nhận thêm câu hỏi lặp đi lặp lại “Why?” từ giám khảo và khó có thể nhận được điểm tốt.

Phương pháp

Trả lời trọng tâm (1 câu)

+

Diễn giải thêm (2~3 câu)

Ví dụ về áp dụng chiến lược trả lời

Part 1 Example



Giám khảo

Giám khảo:

Do you wear a watch?

Bạn có đeo đồng hồ không?



Thí sinh

Thí sinh

Trọng tâm: No, not really.

Không, tôi không đeo.

Diễn giải **That's because** I feel uncomfortable when I wear one. **Besides**, I carry my cell phone all the time, so I can check the time on it.

Đó là bởi vì tôi cảm thấy không thoải mái khi đeo đồng hồ. Thêm nữa, tôi thường mang theo điện thoại di động nên tôi có thể xem giờ bằng điện thoại.

Trọng tâm

“Tôi không đeo” là câu trả lời trọng tâm

Diễn giải

Giải thích thêm lý do không đeo đồng hồ, và cách xem giờ thay thế để diễn giải cho câu trả lời trọng tâm trên.

EXPRESSION - Các cấu trúc dùng khi diễn giải

Nắm chắc các cách diễn đạt đa dạng có thể sử dụng khi diễn giải để tạo nên câu trả lời phong phú.

1. Cấu trúc có thể dùng khi đưa ra ví dụ

1 Ví dụ

For example/For instance

Tôi thích ăn đồ ngọt. Ví dụ như tôi ăn vặt sô-cô-la và kẹo gôm hàng ngày.

I love to eat sweet snacks. **For example**, I snack on chocolates and gummies every day.

*gummies kẹo gôm *snack on ăn vặt

2 Như là ~

Such as ~/Like ~

Chơi các môn hoạt động thể chất như bóng đá hoặc bóng chày tốt cho sức khỏe của trẻ em.

Doing physical activities **such as** football or baseball is good for children's health.

*physical activities hoạt động thể chất

3 Là một ví dụ (hay) cho điều này là~

One (good) example of this is ~

Sự phát triển của kỹ thuật làm cho cuộc sống của chúng ta tiện lợi hơn. Một ví dụ cho điều này là mua bán trực tuyến.

The development of technology made our life convenient. **One example of this is** online shopping.

*development phát triển

2. Cấu trúc có thể dùng khi nói lý do

4 Có vài lý do vì sao~

There are several/a couple of reasons why ~

Có vài lý do vì sao tôi thường xuyên đến công viên.

There are several reasons why I visit parks often.

 **QUIZ** Sử dụng các cấu trúc bên trên và nói các câu sau bằng tiếng Anh.

1. Ví dụ như, tôi ăn rất nhiều chất đạm.

*high-protein nhiều chất đạm *have a diet có chế độ ăn

.....

2. Có vài lý do vì sao tôi thích đọc sách.

.....

Ví dụ 2 áp dụng chiến lược trả lời: áp dụng phương pháp 2

VÍ DỤ 2 PART 3



Giám khảo đặt câu hỏi

What can old and young people learn from one another?

Người lớn tuổi và người trẻ tuổi có thể học được gì ở nhau?



Thí sinh trả lời

Trọng tâm ① Younger generations can teach the elderly how to use new technologies.

Người trẻ có thể dạy người lớn tuổi cách dùng công nghệ mới.

Diễn giải For example, they can show old people how to use a smartphone or set up a social networking account.

Ví dụ, họ có thể chỉ cho người cao tuổi cách dùng điện thoại thông minh hoặc tạo tài khoản trên mạng xã hội.

Trọng tâm ② On the other hand, young people can learn a lot from the wisdom of their elders.

Mặt khác, người trẻ có thể học hỏi nhiều điều từ vốn tri thức của người cao tuổi.

Diễn giải That's because old people have gained plenty of knowledge from their experiences in life that could help young people.

Đó là bởi vì người cao tuổi tích lũy được nhiều tri thức từ kinh nghiệm sống của họ, điều đó có thể giúp ích cho người trẻ.

Trọng tâm ① và diễn giải

Câu trả lời trọng tâm đầu tiên cho câu hỏi 'Người già và người trẻ có thể học gì từ nhau' là 'Người trẻ có thể dạy công nghệ cho người già', và diễn giải cho câu trả lời này là 'Có thể dạy cách dùng điện thoại thông minh và mạng xã hội'.

Trọng tâm ② và diễn giải

Câu trả lời trọng tâm thứ hai là 'Người trẻ có thể học hỏi nhiều điều từ tri thức của người già', và để cập lý do 'Bởi vì người già tích lũy được nhiều tri thức từ kinh nghiệm sống' để diễn giải cho câu trả lời này.

TIPS

Trong trường hợp chưa nghĩ ra ý tưởng trả lời, bạn nên vừa dẫn vào mở bài, vừa tranh thủ sắp xếp ý tưởng trả lời.

Ví dụ: **There are several things that** old and young people can learn from one another.

Có một vài điều mà người cao tuổi và người trẻ tuổi có thể học hỏi từ nhau.

Sau khi trả lời, nếu thấy độ dài của câu trả lời chưa đủ hoặc mạch văn của câu trả lời chưa rõ ràng thì bạn có thể thêm phần kết bài để làm nội dung câu trả lời rõ ràng hơn.

Ví dụ: **Therefore,** older and young generations should try to learn from each other.

Vì thế, người cao tuổi và người trẻ nên thử học hỏi lẫn nhau.

* Các cấu trúc có thể dùng khi nói mở bài và kết bài đã được tổng hợp ở trang 44-45.

* Các cấu trúc có thể dùng khi nói diễn giải thêm được tổng hợp ở trang 31-33.

TIẾP CẬN THEO TỪNG CHỦ ĐỀ

UNIT 01 Job & Study

Nghề nghiệp và Học tập

UNIT 02 Accommodation & Buildings

Nơi ở và Các tòa nhà

UNIT 03 Cities & Towns

Các thành phố và Thị trấn

UNIT 04 Leisure time & Hobbies

Thời gian rảnh rỗi và Sở thích

UNIT 05 Music & Art

Âm nhạc và Nghệ thuật

UNIT 06 Fashion & Shopping

Thời trang và Mua sắm

UNIT 07 Sports & Activities

Thể thao và Các hoạt động

UNIT 08 People

Con người

UNIT 09 Food & Health

Ẩm thực và Sức khỏe

UNIT 10 Travel & Transportation

Du lịch và Giao thông

UNIT 11 Weather & Nature

Thời tiết và Thiên nhiên

UNIT 12 Special Events

Các sự kiện đặc biệt

UNIT 13 Daily Life

Cuộc sống thường ngày

UNIT 14 Life Experiences

Kinh nghiệm sống

UNIT 15 Education & Learning

Giáo dục và Học tập

UNIT 16 Communication

Thông tin liên lạc

UNIT 17 Science & Technology

Khoa học và Kỹ thuật

UNIT 18 Media

Truyền thông

UNIT 19 History & Tradition

Lịch sử và Truyền thống

UNIT 20 Society

Xã hội

Job & Study

Nghề nghiệp và Học tập

Nghề nghiệp và Học tập là một trong những chủ đề mà các thí sinh thường được hỏi trong phần thi Nói. Vì thế, bạn nên tham khảo trước các câu hỏi thường gặp, ý tưởng và cấu trúc diễn đạt, cũng như luyện tập với câu trả lời mẫu về chủ đề này.

PART 1 CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

Ở Part 1, thí sinh thường gặp những câu hỏi liên quan đến *Nghề nghiệp và Học tập*. Vì thế, ở Part 1 sau đây, bạn hãy tham khảo những câu hỏi thường gặp trong phần này, chuẩn bị các nội dung cơ bản liên quan đến giáo dục như *giáo viên bạn thích thời đi học là ai, môn học bạn thích nhất là gì* và tập luyện trả lời bằng tiếng Anh các nội dung này.

Giáo viên	<p>Are you a student or do you work? Đề mới Bạn đang là sinh viên hay đang đi làm?</p> <p>Why did you choose your job? Tại sao bạn lại chọn nghề này?</p> <p>What is the best thing about your job? Điều bạn thích nhất ở công việc này là gì?</p> <p>What do you not like about your job? Điều gì khiến bạn cảm thấy không thích khi làm công việc này?</p>
Trường học	<p>Why did you choose your major? Đề mới Tại sao bạn chọn học ngành này?</p> <p>What do you learn while studying your major? Bạn có được những kiến thức gì khi học ngành này?</p> <p>What are you going to do after graduation? Sau khi tốt nghiệp, bạn sẽ làm gì?</p> <p>Do you prefer to study in the morning or in the afternoon? Bạn thích học vào buổi sáng hay học vào buổi chiều hơn?</p>

PART 1 Tiếp cận câu hỏi thường gặp

Unit 01 Track 1

1

Are you a student or do you work?

Bạn là sinh viên hay đang đi làm?

Nghề nghiệp

Ý tưởng và cấu trúc trả lời

Ý tưởng 1	Trọng tâm	sinh viên	a student
	Diễn giải	<ul style="list-style-type: none"> học ngành Quản trị kinh doanh sẽ tốt nghiệp vào năm sau 	<ul style="list-style-type: none"> majoring in business management will graduate next year
Ý tưởng 2	Trọng tâm	đang đi làm	I work
	Diễn giải	<ul style="list-style-type: none"> làm việc tại một công ty marketing đã làm việc được 3 năm 	<ul style="list-style-type: none"> work at a marketing agency have been working for three years

Câu trả lời của bạn

Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Câu trả lời mẫu

Trọng tâm I'm a student. **Diễn giải More specifically**, I'm a college student majoring in business management. I'll graduate next year.

Trọng tâm Tôi là một sinh viên. **Diễn giải** Cụ thể hơn, tôi là sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Tôi sẽ tốt nghiệp vào năm sau.

Từ vựng **specifically**[spɪsɪfɪkəlɪ] một cách cụ thể **major**[meɪdʒər] chuyên ngành **business management** quản trị kinh doanh **graduate**[ˈgrædʒuəteɪt] tốt nghiệp

Unit 01 Track 2

2

Why did you choose your job?

Tại sao bạn lại chọn công việc của mình?

Nghề nghiệp

Ý tưởng và cấu trúc trả lời

Ý tưởng 1	Trọng tâm	thu nhập tốt	the pay was great
	Diễn giải	<ul style="list-style-type: none"> nhận một khoản vay hỗ trợ sinh viên ưu tiên là kiếm được nhiều tiền 	<ul style="list-style-type: none"> took out a student loan being able to make money was a priority
Ý tưởng 2	Trọng tâm	liên quan đến chuyên ngành đại học của tôi	it is related to my college major
	Diễn giải	<ul style="list-style-type: none"> học chuyên ngành truyền thông trở thành nhà báo là mơ ước của tôi 	<ul style="list-style-type: none"> studied communication at college journalist was my dream job

Câu trả lời của bạn

Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Câu trả lời mẫu

Trọng tâm Frankly speaking, **because** the pay was great. **Diễn giải** When I was in college, I took out a student loan. **Therefore**, being able to make a lot of money was a priority for me when choosing a job.

Trọng tâm Thú thực mà nói, đó là vì thu nhập rất tốt. **Diễn giải** Khi đi học, tôi có nhận một khoản vay hỗ trợ sinh viên. Vì thế, kiếm được thật nhiều tiền là ưu tiên của tôi khi chọn việc.

Từ vựng **frankly speaking** thú thực **loan**[ləʊn] nợ **priority**[praɪɪrəɪtɪ] ưu tiên

○ PART 2&3 Tiếp cận câu hỏi thường gặp

Nghề nghiệp

Ở Part 2, câu hỏi thường được đưa ra là yêu cầu *miêu tả về nghề nghiệp*. Trong trường hợp đó, ở Part 3 giám khảo sẽ hỏi bạn về *những nghề nghiệp có thể có thu nhập tốt và nghề nghiệp có thu nhập thấp*.

PART 2

1

Describe an interesting job that you know. Hãy miêu tả một công việc thú vị mà bạn biết.

You should say:

- what the job is** công việc đó là gì
- what kind of education or qualities are needed to get this job** công việc này yêu cầu trình độ đào tạo và phẩm chất gì
- and explain why you think this job is interesting.** và giải thích vì sao bạn thấy công việc này thú vị.

Ý tưởng và cấu trúc trả lời

- | | | |
|--|---|---|
| ① Công việc đó là gì | • nhà văn | • writer |
| ② Công việc này yêu cầu trình độ đào tạo và phẩm chất gì | • tài năng thiên bẩm
• đào tạo chính quy
• kỹ năng quan sát và trải nghiệm phong phú | • natural talent
• formal education
• observational skills and diverse experiences |
| ③ Giải thích vì sao bạn thấy công việc này thú vị | • tác phẩm của các nhà văn được đón đọc rộng rãi
• đem lại nhiều cảm xúc cho nhiều người
• có thể làm công việc của mình ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào | • the work of writers is widely read
• cause emotional reactions in so many people
• can do one's work anywhere at any time |

Ghi chú của bạn

Câu trả lời của bạn

Tham khảo các ý tưởng trên và tự mình trả lời, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu để hoàn thiện câu trả lời của bạn.

Ghi chú
mẫu

- writer
- natural talent
- formal education
- observational skill & diverse experience
- the work is widely read, cause emotional reaction
- do work anywhere any time
- relaxed working condition, employee benefit
- hiring process, competitive
- work with the best
- diverse perks massage room, free meal

Câu trả
lời mẫu

- ① **There are many** interesting jobs these days, **but the first thing that comes to mind is** writer. There are many types of writers, **such as** novelists and screenwriters. Both these types of writers produce creative work with their own ideas.
- ② Surprisingly, none of these writing jobs really requires a specific education. Some writers can make it with just natural talent. In Vietnam, **however**, many people study Vietnamese literature or creative writing to be a writer. Whether they have formal education or natural talent, all writers must have observational skills and diverse experiences.
- ③ I find writing to be a very interesting **job for several reasons**. **First**, the work of writers is widely read. So, they can share their ideas and cause emotional reactions in so many people. I think writing is really special **because** most people don't get to do that. I **also** think it's great that they can work wherever and whenever they want to. Unlike most workers who work 9-to-5 in an office, writers can do their work anywhere at any time.

- ① Ngày nay có rất nhiều công việc thú vị, nhưng nhà văn là công việc đầu tiên hiện ra trong tâm trí tôi. Có rất nhiều kiểu nhà văn, ví dụ như nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch. Tất cả các kiểu nhà văn trên đều tạo ra các tác phẩm sáng tạo từ ý tưởng của chính họ.
- ② Ngạc nhiên là, không có công việc liên quan đến viết lách nào thực sự yêu cầu một nền tảng giáo dục cụ thể. Một vài tác giả có thể viết chỉ vì đó là tài năng thiên bẩm của họ. Tuy nhiên, ở Việt Nam, rất nhiều người học ngành Văn học Việt Nam hoặc viết văn sáng tạo để trở thành nhà văn. Dù có nền tảng giáo dục bài bản hay đơn giản là tài năng thiên bẩm thì tất cả các nhà văn đều cần có các kỹ năng quan sát và trải nghiệm phong phú.
- ③ Tôi thấy viết văn là một công việc thú vị vì vài lý do. Thứ nhất, tác phẩm của các nhà văn được đón đọc rộng rãi. Vì thế, họ có thể chia sẻ những suy nghĩ của mình và khiến nhiều người xúc động. Tôi thấy việc viết văn rất đặc biệt vì đa số mọi người không làm công việc này. Ngoài ra, việc các nhà văn có thể viết ở bất cứ đâu và bất cứ khi nào họ muốn cũng rất tuyệt. Không giống những nghề nghiệp khác phải làm giờ hành chính tại văn phòng, nhà văn có thể sáng tác ở mọi nơi, mọi lúc.

Unit 01 Track 9

UNIT
01

Job & Study Nghệ nghiệp và Học tập HACKERS IELTS SPEAKING

Từ vựng **novelist**[nəːvəlɪst] tiểu thuyết gia **screenwriter**[skriːnraɪtər] nhà viết kịch **natural talent** tài năng thiên phú **formal education** đào tạo chính quy **observational**[ˌɒbzəˈrveɪʃənəl] quan sát **widely**[waɪdli] rộng rãi, khắp nơi **reaction**[rɪˈækʃən] phản ứng **9-to-5** làm việc từ 9h đến 17h/ làm giờ hành chính

Phụ lục

1. Ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi

2. 24 lỗi hay mắc phải khi nói

3. Tiêu chí đánh giá



Phần *Ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi* sẽ giúp thí sinh chuẩn bị tốt cho những tình huống không dự đoán trước trong quá trình nghe câu hỏi và trả lời.

Phần *24 lỗi hay mắc phải khi nói* tập hợp những lỗi cơ bản mà người học IELTS Speaking hay mắc phải. Bạn nên chuẩn bị và luyện tập trước để tránh những lỗi tương tự trong phòng thi.

Sử dụng phần *Tiêu chí đánh giá* để tìm ra thiếu sót trong câu trả lời của bạn.

Phụ lục

4. Ý tưởng và cấu trúc câu cho từng chủ đề



Phần này cung cấp các ý tưởng và cách diễn đạt hữu ích được lựa chọn cẩn thận để trả lời cho từng chủ đề. Nắm vững những cách diễn đạt này sẽ giúp bạn vận dụng hiệu quả vào thực tế.